Trung A Ham - Thich Tue Sy dich (59)

Kinh A Hàm — Trung A Hàm

Trung A Ham - Thich Tue Sy dich

Thư mục BuddhaSasana

Lưu ý: Đọc với phông chữ CN-Times nâng cấp hay Arial Unicode MS

Trung A H m Kinh

Mục Lục Tổng Quát

01. PHẨM BẢY PHÁP

02. PHẨM NGHIỆP TƯƠNG ƯNG

03. PHẨM XÁ-LÊ TỬ TƯƠNG ƯNG

04. PHẨM VỊ TẰNG HỮU PHÁP

05. PHẨM TẬP TƯƠNG ƯNG

06. PHẨM VƯƠNG TƯƠNG ƯNG

07. PHẨM TRƯỜNG THỌ VƯƠNG

08. PHẨM UẾ

87. Kinh Uế Phẩm

88. Kinh Cầu Pháp

89. Kinh Tỳ-Kheo Thỉnh

90. Kinh Tri Pháp

91. Kinh Chu-Na Vấn Kiến

92. Kinh Thanh Bạch Liên Hoa Dụ

93. Kinh Thủy Tịnh Phạm Chí

94. Kinh Hắc Tỳ-Kheo

95. Kinh Trụ Pháp

96. Kinh Vô

09. PHẨM NHÂN

10. PHẨM LÂM

11. PHẨM ĐẠI (Phần đầu)

12. PHẨM PHẠM CHÍ (Phần đầu)

12. PHẨM PHẠM CHÍ (Phần sau)

13. PHẨM CĂN BỔN PHÂN BIỆT

14. PHẨM TÂM

15. PHẨM SONG

16. PHẨM ĐẠI (Phần sau)

17. PHẨM BỒ-ĐA-LỢI

18. PHẨM LỆ

Source: LotusMedia lotusmedia.net

KINH TRUNG A HÀM

Hán Dịch: Phật Đà Da Xá & Trúc Phật Niệm, Việt Dịch & Hiệu Chú: Thích Tuệ Sỹ

8. PHẨM UẾ 89. KINH TỲ-KHEO THỈNH [1] T ôi nghe như vầy.

Một thời Đức Phật du hóa tại thành Vương xá, trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa cùng với chúng Đại Tỳ-kheo an cư mùa mưa [02] .

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên [03] nói với các Tỳ-kheo:

“Này chư Hiền, nếu có Tỳ-kheo thỉnh cầu [04] các Tỳ-kheo rằng: ‘Xin các ngài nói với tôi, chỉ giáo tôi, ha trách tôi, xin đừng cật nạn tôi’. Vì sao vậy? Này chư Hiền, hoặc có một người hay có lời nói cộc [05] , mang bản tánh nói cộc và do bản tánh nói cộc này mà các vị phạm hạnh không nói tới, không chỉ giáo, không ha trách, trái lại cật nạn người ấy [06] .

“Này chư Hiền, thế nào là bản tánh nói cộc, mà nếu ai có bản tánh nói cộc, các vị phạm hạnh không nói với, không chỉ giáo, không ha trách, trái lại cật nạn người ấy?

“Này chư Hiền, ở đây có người có ác dục và nhớ nghĩ đến dục [07] . Này chư Hiền, nếu là người có ác dục và nhớ nghĩ đến dục thì đó là bản tánh nói cộc. Cũng như thế, nhiễm và hành nhiễm [08] , cố ý phú tàng [09] , lường gạt dối trá, xan tham, tật đố, vô tàm, vô quý, sân tệ ác ý [10] , nói lời phẫn nộ, ha trách Tỳ-kheo ha trách [11] , ha trách Tỳ-kheo khinh mạn [12] , ha trách Tỳ-kheo phát lồ, nói lãng ngoài đề để tránh né, che giấu và hờn giận, thù ghét phừng phực, bằng hữu ác, đồng bọn ác, vong ân, khno biết ân. Chư Hiền nếu ai ngưfi vong n,0không biết n, thì đó là nGƯời có bản tánh cộc. Này chư Hiền, đó là nhữngbả tánh khiến nói cộc. Nu ai có bản tánh .dzi cŕc, các v phạm hạnh không nói với, kiông chỉ giáo, không ha trách, trái lại cat naj người y.

“Này c(ư Hiền, Tỳ-kheo hãy tự tư lương [13] . ‘ChưHiền, nếu ai có ák dục, niệm dục thì t´i khng ưa thích người đó và .ếu tôi có ác $ục, fiệmdụcuhì ngườh ấy cũng(clẳng ưa thích tôi. T-kheo ãy quán"đt jhư vậ9, không hành ác dửc, không niệ dục. Nên Học như vậy. ! “Cũng như thế(ai nhiễl và hành nhiễm, cự ý phú pàng, lưng!gwt dối trá,`xan tham, tật ĕố(vô uàm, vô quý, sân tệ ác ý, nûi lổi!phẫn nộl ha trách Tỳ-kheo hC trách, ha |rch Tỳ-kheo khi~h mạn, ha trách Tỳ-kheo phát lồ, nói lãng ngoài đề để tránh né, che giấu và hờn giận, thù ghét phừng phực, bằng hữu ác, đồng bọn ác, vong ân, không biết

ân. ‘Chư Hiền, nếu ai vong ân, không biết ân thì tôi không ưa thích người ấy, và nếu tôi vong ân, không biết ân thì người ấy cũng chẳng ưa thích tôi’. Tỳ-kheo hãy quán sát như vậy, không hành sự vong ân không biết ân. Nên học như vậy.

“Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo không thỉnh cầu các Tỳ-kheo rằng: ‘Xin các ngài nói với tôi, chỉ giáo tôi, ha trách tôi, đừng cật nạn tôi’. Vì sao vậy? Chư Hiền, hoặc có một người dễ nói, đầy đủ bản tánh dễ nói [14] , và do đầy đủ bản tánh dễ nói nên các bậc phạm hạnh khéo nói với, khéo chỉ giáo, khéo ha trách và không cật nạn người đó.

“Này chư Hiền, thế nào là bản tánh dễ nói? Nếu có người đầy đủ bản tánh dễ nói thì các vị phạm hạnh khéo nói với, khéo chỉ giáo, khéo ha trách và không cật nạn người đó. Chư Hiền, hoặc có người không ác dục, không niệm dục, đó là bản tánh dễ nói. Cũng như thế, không nhiễm và hành nhiễm, không cố ý phú tàng, không lường gạt dối trá, không xan tham tật đố, không vô tàm vô quý, không sân tệ ác ý, không nói lời phẫn nộ, không ha trách Tỳ-kheo ha trách, không ha trách Tỳ-kheo khinh mạn, không ha trách Tỳ-kheo phát lồ, không nói lãng ngoài đề để tránh né, không che giấu và hờn giận, không thù ghét phừng phực, không bằng hữu ác đồng bọn ác, không vong ân không biết ân. Chư Hiền, nếu ai không vong ân không biết ân, đó là có bản tánh dễ nói. Chư Hiền, đó là những bản tánh khiến dễ nói. Nếu ai đầy đủ bản tánh dễ nói thì các vị phạm hạnh khéo nói với, khéo chỉ giáo, khéo ha trách và không cật nạn người đó.

“Này chư Hiền, Tỳ-kheo nên tự tư lương. ‘Chư Hiền, ‘nếu có người không ác dục, không niệm dục, thì tôi ưa thích người đó; và nếu tôi không ác dục, không niệm dục thì người đó cũng ưa thích tôi’, Tỳ-kheo nên quán sát như vậy, không hành ác dục, không niệm dục. Nên học như vậy. Cũng như thế, không nhiễm và hành nhiễm, không cố ý phú tàng, không lường gạt dối trá, không xan tham tật đố, không vô tàm vô quý, không sân tệ ác ý, không nói lời phẫn nộ, không ha trách Tỳ-kheo ha trách, không ha trách Tỳ-kheo khinh mạn, không ha trách Tỳ-kheo phát lồ, không nói lãng ngoài đề để tránh né, không che giấu và hờn giận, không thù ghét phừng phực, không bằng hữu ác đồng bọn ác,không vong ân không biết ân. ‘Chư Xiền, nếu có người không vone ân không bip ân thè tôi thích n'ười đó, và nếu tôI không vong ân không biết ân tHì ngựi y cũng ưa thích tôi’. Tỳ-kheo nên quán sát như vậy, không vongân không bết Ин. N*n hc như vậy.

“Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo quán st như vay [1u] : ‘Ta có ác dục, niệm0dc hey không có ác dc,`niệm dục?’ thì chắc chắn có nhiwu lỳi ích.

!!Ny chưaHi;n, nếu chi Tỳ%kldo quán sát mà biết ıược ta có éc lục, niệm dục thìkhông tể vui mừng. Do đó mong cảu đoạz trứ dục.

0 „Này chU Hiền, nếu`lÚc Tỳ-kheo quán sád -à biat mìni không có`!c dục,`niệm dục vỨc thì vui ừng, rằng: ‘Ta t thanh tịnh,cẁu học pháp tôn quý, cho nên vui mừng.

" “Này chư Hiền, như người có mắt, lấy gương tự soi thì thấy được mặt mình là sạch hay dơ. Chư Hiền, nếu người có mắt thấy mặt mình bẩn thì không vui mừng và mong muốn rửa sạch. Chư Hiền, nếu người có mắt thấy mặt mình không bẩn thì vui mừng rằng: ‘Mặt ta sạch’, nên vui mừng. Chư Hiền, cũng như vậy, nếu khi Tỳ-kheo quán sát

mà biết được ta có ác dục, niệm dục thì không vui mừng và mong cầu đoạn trừ dục. Chư Hiền, nếu lúc Tỳ-kheo quán sát mà biết được mình không có ác dục, niệm dục thì vui mừng rằng ‘Ta tự thanh tịnh, cầu học pháp tôn quý’ nên vui mừng. Cũng như thế, ta nhiễm và hành nhiễm hay không nhiễm và hành nhiễm? Cố ý phú tàng hay không cố ý phú tàng? Lường gạt dối trá hay không lường gạt dối trá? Xan tham tật đố hay không xan tham tật đố? Vô tàm vô quý hay không vô tám vô qwý? Sân t ắc ý hay0không sân0tệ(ác ? ói lời phẫn na hay không nói |i phẫn nộ? Ha trách Vỳ-kheo(ha trách hay khôNg ha trách Tỳ-kheo ha trách? Ha drách Tll-Kheo khinh mạn haykhäng ha tráCh Tỳ-iheo khinh mạn? Ha tráh Tỳ-kheo phát lồ hay không ha$trách Tỳ-kheo phát lồ? Nói lãng owoài đề để"tránh né hay`không nói lãng ngoài đề$để tránh .); Che!giấe và hờn g)ận hay không che giẅw và hờn iận?`Thù ghét phừng phực hiy kh›ng thù ghét phừng phực? Bằng hữu ác và đồng bọn ác hay không bằng$hu ác và đồng cọn ác? Vong ân không biết âl hay không vong ¢n không jiết ân?0Chư Hcền, nếu khi Tỳ,kheo(quán sát mà biết được ua có vong ân không biết ân’ phì không vui mừng và ong(muỐn đoạn trY. Chư Hiền, nếu lúc Tỳ-kheo quán sát mà biết Ɛợc mình không có"vnng àf khônG biết ân thì được vui mừng rằng ‘Ta tự thanh tịnh, cầu học pháp tôn quý’, cho nên vui mừng.

“Này chư Hiền, như người có mắt, lấy gương tự soi thì thấy được mặt mình là sạch hay dơ. Chư Hiền, nếu người có mắt thấy mặt mình bẩn thì không vui mừng và mong muốn rửa sạch. Chư Hiền, nếu người có mắt thấy mặt mình không bẩn thì được vui mừng rằng ‘Mặt ta sạch sẽ’, cho nên vui mừng. Chư Hiền, cũng vậy, nếu khi Tỳ-kheo mà biết được ta có vong ân không biết ân, thì không vui mừng và mong muốn đoạn trừ. Chư Hiền, nếu khi Tỳ-kheo quán sát mà biết được mình không có vong ân không biết ân thì được vui mừng rằng ‘Ta tự thanh tịnh, cầu học tôn pháp’, cho nên vui mừng. Do vui mừng cho nên có hỷ, nhân hỷ nên thân khinh an, do thân khinh an [16] nên được cảm thọ lạc, do cảm thọ lạc nên được định tâm.

“Này chư Hiền, Đa văn Thánh đệ tử do định tâm nên thấy như thật, biết như thật; do thấy như thật, biết như thật nên được yểm ly, do yểm ly nên được vô dục, do vô dục nên được giải thoát, do giải thoát mà được tri giải thoát, biết một cách như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều đáng làm đã làm xong, không còn tái sanh’.”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói như vậy, các thầy Tỳ-kheo nghe Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói xong, hoan hỷ phụng hành.

-ooOoo-

Chú thích:

[01] Bản Hán, quyển 23. Tương đương Pāli M.15. Anumāna-suttaṃ. Hán, tham chiếu No.50. [02] Bản Pāli tương đương không có đoạn này. [03] Bản Pāli: āyasmā moggallāno bhaggesu viharati suṃsumāragire, lúc bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền kiên trú ở giữa những người Bhagga, trong núi Suṃsumāra. [04] Hán: thỉnh . Pāli: pavāreti: tự tứ. [05] Hán: lệ ngữ, lệ ngữ pháp . Pāli: dubbaca, dovacassakaraṇa dhamma. [06] Có lẽ ở đây có một chi tiết liên hệ luật Tỳ-kheo, bị yết-ma mặc tẩn vì đều được gọi là “ác tính

bất thọ nhân ngữ" (ngoan cố không nghe lời khuyên của các Tỳ-kheo) nên không được các Tỳ-kheo chấp nhận tự tứ. Bản Pāli: pavāreti... Bhikkhu vadantu maṃ āyasmanto vacanīyomhi āyasmantehi...atha kho naṃ sabrahmacārī na ceva vattabbaṃ maññanti, Tỳ-kheo thỉnh nguyện (tự tứ): chư Trưởng lão hãy nói với tôi; tôi cần được chư Trưởng lão nói... nhưng các đồng phạm hạnh nghĩ rằng vị ấy không đang được nói tới. [07] Ác dục niệm dục . Pāli: pāpiccho hoti pāpikānaṃ icchānaṃ vasaṃgato, là người có ác dục, bị chi phối bởi ác dục. [08] Nhiễm hành nhiễm ; có lẽ Pāli: attukkaṃsako paravambhī, khen mình che người. [09] Bất ngữ kết trụ ; có lẽ Pāli: makkhata (xem Kinh 122). [10] Sân tệ ác ý ; có lẽ Pāli: kodhahetu upanāhī, do nóng giận mà ôm lòng cừu hận. [11] Ha Tỳ-kheo ha . Pāli: codito codakena codakṃ paṭipphareti, bị nêu tội kích ngược lại người nêu tội. [12] Ha Tỳ-kheo khinh mạn , có lẽ Hán văn dịch đảo ngữ nên phải hiểu ngược lại. Pāli: codakaṃ apasādeti, khinh dễ người nêu tội. [13] Pāli: attanāva attānaṃ evaṃ anuminitabbaṃ, nên tự mình suy xét về mình như vầy. [14] Thiện ngữ, thành tựu thiện ngữ pháp . Pāli: so ca sovaco hoti, sovacassakaraṇehi samannāgato. [15] Pāli: attanāva attānaṃ evaṃ paccavekkhitabbaṃ, tự mình phản tỉnh về mình như vầy. [16] Hán: chỉ thân .

-ooOoo-

trang trước

đầu trang

trang kế

[Thư mục BuddhaSasana]

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.